TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **56**/2025/QĐST-HNGĐ	*Sơn Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 556/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lý Thị Đ**, sinh năm 1981.

Nơi ĐKHK: Thôn Q, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở hiện nay: Thôn A, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Lý Thị Đ** và anh **Nguyễn Văn T.**

(Giấy chứng nhận kết hôn 52, ngày 10 tháng 5 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang)

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung:

+ Cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 30/10/2003 hiện nay đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường nên chị Lý Thị Đ và anh Nguyễn Văn T đều xác định không đề nghị Toà án giải quyết.

+ Giao cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 09/7/2008 cho chị Lý Thị Đ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Văn T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ và được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Lý Thị Đ và anh Nguyễn Văn T đều xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Lý Thị Đ và anh Nguyễn Văn T đều xác định không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lý Thị Đ phải nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000002404156, ngày 09/12/2024 của Công ty cổ phần T1 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số: 0001667 ngày 10/12/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Lý Thị Đ số tiền chênh lệnh là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Nguyễn Văn T không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyên SD;
- Chi cục THADS SD;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến